

Số: 454 /2018/QĐST-HNGĐ

Đông Đa, ngày 31 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 633/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2018 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa những người yêu cầu:

- **Bà Bùi Thị Kim P**, sinh năm 1962

Đăng ký Hộ khẩu thường trú: số 8b phố Lê Trực, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: số 22/150 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- **Ông Trần Danh S**, sinh năm 1959

Đăng ký Hộ khẩu thường trú: P1003, tầng 10, nhà 8C, phố V, phường K, quận T, thành phố H.

Nơi ở hiện nay: số 22/150 ngõ X, phường N, quận Đ, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/7/2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 633/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Kim P và ông Trần Danh S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Bùi Thị Kim P và ông Trần Danh S cùng thống nhất xác nhận: ông bà kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận T, thành phố H ngày 15/9/1995. Nay bà P và ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Bùi Thị Kim P và ông Trần Danh S có 02 con chung là: Trần Duy A (giới tính nam), sinh ngày 17/01/1990 và Trần Trung H (giới tính nam), sinh ngày 11/02/1996. Cháu Duy A và cháu Trung H đã trưởng thành việc ở với ai là do các cháu tự quyết định.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** Bà Bùi Thị Kim P và ông Trần Danh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về nợ:** Bà Bùi Thị Kim P và ông Trần Danh S xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về lệ phí:** Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bà Bùi Thị Kim P và ông Trần Danh S đồng ý để bà P tự nguyện nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng bà P đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007442 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Hạnh